

Số: 40/2026/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ
vốn ngân sách nhà nước; bố trí vốn ngân sách địa phương đối ứng
và phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định một số nội dung
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa
giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng,
giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ
trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn
2025 - 2035;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát,
hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế
quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy
định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ
vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;*

*Xét Tờ trình số 11127/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu
chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân*

sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn I: từ năm 2025-2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 391/BC-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 giải trình tiếp thu ý kiến thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước; bố trí vốn ngân sách địa phương đối ứng và phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước; bố trí vốn ngân sách địa phương đối ứng và phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030 (sau đây gọi là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban và cơ quan cấp tỉnh; các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến thực hiện Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, đầu tư công, phân cấp, phân quyền và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch, hiệu quả và tiết kiệm.

2. Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả và bền vững; ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa; phát triển con người; đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa và hỗ trợ các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

4. Việc phân bổ vốn phải bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác;

quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; phát huy tính chủ động và trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện.

5. Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước thuộc Chương trình được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công và kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước.

Điều 3. Bố trí vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình

1. Ngân sách địa phương bố trí đủ vốn đối ứng giai đoạn 2025 - 2030 và hằng năm không thấp hơn mức vốn đối ứng quy định tại khoản 2 Điều này để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hằng năm, ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 30% tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

3. Ngân sách tỉnh bảo đảm bố trí toàn bộ phần vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình.

4. Ngoài vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh, các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm huy động, lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác; chủ động cân đối, bố trí thêm nguồn lực phù hợp với khả năng của địa phương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã, phường, đặc khu (Tiêu chí số 01):

- a) Các xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 6,0.
- b) Các xã, đặc khu còn lại: Hệ số 4,0.
- c) Các phường: Hệ số 2,0.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng ưu tiên căn cứ tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương năm 2026 (Tiêu chí số 02):

- a) Địa phương nhận hỗ trợ bổ sung < 30%: Hệ số 1,0.
- b) Địa phương nhận hỗ trợ bổ sung từ 30% - 60%: Hệ số 1,5.
- c) Địa phương nhận hỗ trợ bổ sung từ trên 60% - 80%: Hệ số 2,0.
- d) Địa phương nhận hỗ trợ bổ sung > 80% trở lên: Hệ số 2,5.

3. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo quy mô dân số (Tiêu chí số 03):

- a) Các xã có quy mô dân số dưới 10.000 người: Hệ số 0,2.
- b) Các xã, phường có quy mô dân số từ 10.000 người đến dưới 20.000 người: Hệ số 0,4.
- c) Các xã, phường có quy mô dân số từ 20.000 người đến dưới 30.000 người: Hệ số 0,7.

d) Các xã, phường, đặc khu có quy mô dân số từ 30.000 người: Hệ số 1,2.

4. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo quy mô diện tích (Tiêu chí số 04):

a) Các xã, phường, đặc khu có quy mô diện tích dưới 200 km²: Hệ số 0,4.

b) Các xã có quy mô diện tích từ 200km² đến dưới 300 km²: Hệ số 0,8.

c) Các xã có quy mô diện tích từ 300 km² đến dưới 400 km²: Hệ số 1,1.

d) Các xã, phường có quy mô diện tích từ 400 km² trở lên: Hệ số 1,8.

5. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh (Tiêu chí số 05):

a) Các xã, phường, đặc khu có di tích quốc gia đặc biệt: Hệ số 5,0.

b) Các xã, phường, đặc khu có di tích cấp quốc gia: Hệ số 2,0.

Điều 5. Định mức phân bổ vốn

1. Đối với vốn đầu tư phát triển

a) Vốn đầu tư phát triển được phân bổ để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt; ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa thiết chế văn hóa cấp tỉnh, thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia và các nhiệm vụ đầu tư khác thuộc Chương trình.

b) Việc phân bổ vốn căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; nhu cầu đầu tư thực tế; hiện trạng cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa; mức độ cấp thiết, hiệu quả đầu tư, khả năng hoàn thành và giải ngân của dự án; ưu tiên địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phù hợp khả năng cân đối nguồn vốn hằng năm.

c) Tổng mức vốn đầu tư phát triển bố trí cho cấp xã được xác định trên cơ sở tổng mức vốn đầu tư phát triển được cấp có thẩm quyền giao sau khi bố trí cho các nhiệm vụ, dự án do cấp tỉnh thực hiện.

2. Đối với vốn sự nghiệp

a) Tổng mức vốn sự nghiệp bố trí cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tối đa 20% tổng kinh phí nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình theo quy định.

b) Tổng vốn sự nghiệp bố trí cho các xã, phường, đặc khu tối thiểu 80% tổng kinh phí nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình theo quy định.

c) Hằng năm, căn cứ tổng mức vốn được cấp có thẩm quyền giao, hướng dẫn thực hiện Chương trình, điều kiện thực tế và khả năng cân đối nguồn lực, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho cấp tỉnh, cấp xã và các ngành, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

d) Vốn sự nghiệp phân bổ cho các xã, phường, đặc khu được xác định theo tiêu chí, hệ số quy định tại Điều 4 và phương pháp quy định tại Điều 6 Nghị quyết này.

Điều 6. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

1. Phương pháp phân bổ vốn sự nghiệp cho cấp xã được xác định như sau:

a) Tổng số vốn sự nghiệp phân bổ cho cấp xã được xác định bằng tổng số vốn sự nghiệp còn lại sau khi phân bổ cho cấp tỉnh.

b) Điểm phân bổ của từng xã, phường, đặc khu được xác định bằng tổng số điểm theo các tiêu chí quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

c) Tổng điểm phân bổ của các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh bằng tổng điểm phân bổ của từng xã, phường, đặc khu.

d) Giá trị của một (01) điểm phân bổ được xác định bằng tổng số vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh) hỗ trợ cho ngân sách cấp xã thực hiện Chương trình chia cho tổng điểm phân bổ của các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh.

đ) Mức vốn sự nghiệp phân bổ cho từng xã, phường, đặc khu được xác định bằng điểm phân bổ của các xã, phường, đặc khu đó nhân với giá trị của một (01) điểm phân bổ.

2. Mức vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng xã, phường, đặc khu được thực hiện như sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Tổng số điểm của một (01)} & & \text{Tổng tất cả các điểm} \\ \text{xã, phường, đặc khu} & = & \text{được phân bổ theo Điều 4} \\ \text{nhận hỗ trợ} & & \text{Nghị quyết} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccc} \text{Tổng vốn ngân sách} & & \text{Tổng điểm phân bổ} & & \text{Giá trị một (01) điểm} \\ \text{trung ương và ngân sách} & = & \text{vốn ngân sách trung} & \times & \text{phân bổ vốn ngân sách} \\ \text{địa phương được phân} & & \text{ương và ngân sách địa} & & \text{trung ương và ngân} \\ \text{bổ} & & \text{phương} & & \text{sách địa phương} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá trị một (01) điểm hỗ} & & \text{Tổng vốn ngân sách trung ương và ngân sách} \\ \text{trợ cho xã, phường,} & = & \text{địa phương bố trí cho xã, phường, đặc khu} \\ \text{đặc khu} & & \hline & & \text{Tổng điểm của xã, phường, đặc khu} \\ & & \text{trên địa bàn tỉnh} \end{array}$$

Điều 7. Phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã

Phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách nhà nước chi tiết theo dự án thành phần, danh mục và mức vốn bố trí thực hiện dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Chương trình.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa XI, Kỳ họp thứ 5 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh;
- Trung tâm LT và DVVL tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung